

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/KDTM-ST

Ngày: 24-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Nguyễn Hà Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST-KDTM ngày 26/7/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty TNHH N (Việt Nam); Địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường C, Khu công nghiệp B, phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: 3 đường P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Công ty Cổ Phần S; Địa chỉ trụ sở chính: Số E đường P, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn A; Địa chỉ thường trú: Số H đường P, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/5/2023 và các lời khai tại tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Theo hợp đồng mua bán số NPV-SOUTH/SEL044-2022 ngày 01/07/2022 được ký giữa bên bán là Công ty TNHH N (Việt Nam) (gọi tắt là Công ty N) và bên mua là Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty S), cùng với bảng xác nhận công nợ tháng 12/2022 Công Sơn Quang H xác nhận còn nợ Công ty N số tiền là 164.663.136 đồng.

Ngày 16/05/2023 Công ty N đã gửi thư nhắc nợ lần cuối nhưng Công ty S vẫn không hợp tác. Nay Công ty N khởi kiện đòi Công ty S phải trả cho Công ty N số tiền nợ gốc mua hàng là 164.663.136 đồng và phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn theo mức lãi suất vay nợ ngân hàng quá hạn bình quân 9%/năm tính trên khoản nợ quá hạn, tạm tính đến ngày 30/4/2023 là 5.022.226 đồng. Vậy tổng số tiền Công ty S phải trả cho Công ty N là: Tiền nợ gốc mua hàng 164.663.136 đồng, T lãi 5.022.226 đồng. Tổng cộng: 169.685.362 đồng.

Thanh toán dứt điểm 1 lần thời hạn trong vòng 7 ngày ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2023 và các lời khai tại tòa án đại diện bị đơn trình bày:

Công ty S đồng ý với sự trình bày của đại diện nguyên đơn về hợp đồng mua bán số NPV-SOUTH/SEL044-2022 ngày 01/07/2022 và bảng xác nhận công nợ tháng 12/2022 với số tiền nợ gốc là 164.663.136 đồng, tiền lãi 5.022.226 đồng. Tổng cộng là 169.685.362 đồng.

Tuy nhiên trong quá trình bán hàng, khách hàng có phản ánh về chất lượng và trả lại hàng cho Công ty S nên hàng chưa tiêu thụ hết và tồn đọng rất nhiều. Công ty cũng gặp khó khăn do thị trường tiêu thụ kém nên Công ty chưa sắp xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho Công ty N1. Do vậy Công ty S đề nghị phương án hòa giải như sau:

+ Đề nghị nguyên đơn thu hồi hàng hóa về vì hiện nay số lượng hàng hóa này đã hết hạn sử dụng mà bị đơn không thể xử lý được;

+ Đối với số tiền nợ gốc là 164.663.136 đồng bị đơn đề nghị được trả trong thời hạn 6 tháng;

+ Đối với tiền lãi thì đề nghị nguyên đơn bỏ không tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc còn thiếu là 164.663.136 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/12/2022 đến ngày 24/4/2024 với mức lãi suất là 9%/năm là 19.499.048 đồng. Tổng cộng là 184.162.184 đồng. Yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ giải quyết trong vụ án giữa Công ty N và Công ty S là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Quan hệ tranh chấp này phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn có trụ sở tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân quận G theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 164.663.136 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng mua bán số NPV-SOUTH/SEL044-2022 ngày 01/07/2022, Phụ lục Hợp đồng ngày 01/07/2022 có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch mua bán hàng hóa là các sản phẩm Selleys (Block A và A1) và V.

Căn cứ Bảng xác nhận công nợ tháng 12/2022 và lời thừa nhận của các đương sự Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 164.663.136 đồng.

Theo quy định tại Điều 1 Phụ lục Hợp đồng ngày 01/07/2022 thì bị đơn phải thanh toán trong thời hạn 30 ngày làm kể từ ngày bên nguyên đơn xuất hóa đơn cho bị đơn.

Ngày 29/11/2022 nguyên đơn đã xuất hóa đơn cho bị đơn nhưng đến nay bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 164.663.136 đồng là đúng theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại năm 2005 và phù hợp với thỏa thuận của hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi chậm thanh toán:

Về thời điểm tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán kể từ ngày 30/12/2022 là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 1 Phụ lục Hợp đồng ngày 01/07/2022 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Căn cứ Điều 306 Luật thương mại quy định trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Tại thời điểm xét xử thì mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP N2 là 18%/năm; Ngân hàng N3 là 15%/năm; Ngân hàng T1 là 18,75%/năm. Lãi suất trung bình của ba ngân hàng trên là 17,25%/năm.

Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 9%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng trên thị trường, có lợi cho bị đơn và không trái với quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi chậm thanh toán được tính như sau:

164.663.136 đồng x 9%/năm x ngày 30/12/2022 đến ngày 24/4/2024 (15 tháng 24 ngày) là 19.499.048 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 184.162.184 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị đơn phải trả số tiền trên cho nguyên đơn số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thi hành án:

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của TANDTC.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

[4] Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của TANDTC; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ Phần S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH N (Việt Nam) số tiền 164.663.136 đồng và tiền lãi trả chậm thanh toán là 19.499.048 đồng. Tổng cộng là 184.162.184 đồng làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 9.208.109 đồng Công ty Cổ Phần S phải chịu.

H1 lại cho Công ty TNHH N (Việt Nam) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.242.134 đồng theo Biên lai thu số 0012103 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Nguyễn Hà Hải